

**Phụ lục X**  
**MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG**  
 (Kèm theo Thông tư số 203/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2012  
 của Bộ Tài chính)

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VFA**  
 Số: 154

**BÁO CÁO**  
**Tình hình hoạt động năm 2019**  
**(từ 01/01 đến 31/12)**

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện quy định của Thông tư số 203/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính, Công ty TNHH Kiểm toán VFA báo cáo tình hình hoạt động năm 2019 như sau:

**1. Tình hình nhân viên:**

Chỉ tiêu	Năm nay		Năm trước	
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
I. Tổng số nhân viên đến 31/12	33	100	36	100
Trong đó:				
1. Nhân viên chuyên nghiệp	28	85	31	86
2. Nhân viên khác	5	15	5	14
II. Số người có chứng chỉ kiểm toán viên Việt Nam	7	100	8	100
1. Người Việt Nam	7	100	8	100
2. Người nước ngoài				
III. Số người được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán tại doanh nghiệp	6	100	8	100
1. Người Việt Nam	6	100	8	100
2. Người nước ngoài				
IV. Số người chỉ có Chứng chỉ KTV nước ngoài	0	0	0	0
1. Người Việt Nam				
2. Người nước ngoài				
V. Số người có Chứng chỉ hành nghề kế toán	0	0	0	0
VI. Số người có Thẻ thẩm định viên về giá	2		2	
VII. Số người có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế	0	0	0	0

**2. Tình hình doanh thu:**

**2.1. Cơ cấu doanh thu theo loại dịch vụ:**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm nay		Năm trước	
	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
<b>Tổng doanh thu</b>	10.542.466.231	100	17.903.218.278	100
Trong đó:				
1. Kiểm toán báo cáo tài chính	767.272.727	7,28	1.125.800.000	6,28
2. Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành	9.775.193.504	92,72	16.777.418.278	93,72
3. Dịch vụ soát xét báo cáo tài chính				
4. Dịch vụ kế toán				
5. Dịch vụ tư vấn thuế				
6. Dịch vụ thẩm định giá tài sản				
7. Dịch vụ tư vấn tài chính, quản lý, tư vấn nguồn nhân lực, ứng dụng công nghệ thông tin				
8. Dịch vụ bồi dưỡng tài chính, kế toán, kiểm toán				
9. Dịch vụ liên quan khác				



**2.2. Cơ cấu doanh thu theo đối tượng khách hàng:**

Đơn vị tính: VND

Đối tượng khách hàng	Năm nay			Năm trước		
	Số lượng khách hàng	Doanh thu		Số lượng khách hàng	Doanh thu	
		Số tiền	Tỷ lệ (%)		Số tiền	Tỷ lệ (%)
<b>Tổng doanh thu</b>	106	10.542.466.231	100	152	17.903.218.278	100
<b>A. Theo loại hình doanh nghiệp, tổ chức</b>						
1. Công ty cổ phần						
- Công ty cổ phần niêm yết						
- Công ty cổ phần chưa niêm yết	25	1.558.947.738	14,79	34	3.968.686.836	22,17
2. Công ty TNHH	20	911.727.272	8,65	25	2.770.272.528	15,47
3. Ban QLDA, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã	29	3.058.423.842	29,01	20	1.716.847.683	9,59
4. Đơn vị hành chính sự nghiệp, tổ chức đoàn thể xã hội	30	4.961.367.379	47,06	58	8.582.945.778	47,94
5. Dự án quốc tế, tổ chức khác	2	52.000.000	0,49	15	864.465.453	4,83
<b>B. Theo hình thức sở hữu</b>						
1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	7	313.727.272	2,98	10	436.363.363	2,44
2. Doanh nghiệp nhà nước	47	4.600.355.181	43,63	73	9.447.411.231	52,77
3. Doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức khác	52	5.628.383.778	53,39	69	8.019.443.684	44,79
<b>C. Theo tính chất và quy mô hoạt động</b>						
1. Các đơn vị có lợi ích công chúng	0	0	0	0	0	0
2. Doanh nghiệp, tổ chức khác	106	10.542.466.231	100	152	17.903.218.278	100

**3. Kết quả kinh doanh:**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Tổng số vốn điều lệ <sup>(1)</sup>	6.000.000.000	6.000.000.000
2. Tổng số vốn kinh doanh (vốn chủ sở hữu) thực tế <sup>(2)</sup>	6.434.625.043	6.406.061.770
3. Kết quả kinh doanh sau thuế (Lãi +; Lỗ -)	28.563.273	15.316.028
4. Nộp Ngân sách		
- Thuế Giá trị gia tăng	1.129.461.766	1.349.211.239
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	10.191.173	15.340.581
- Thuế và các khoản phải nộp khác	65.279.532	176.715.893
5. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (%)	0,27	0,085
6. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn (%)	0,44	0,239
7. Số trích Quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp trong năm <sup>(2)</sup>	52.712.331	89.516.091
8. Số dư Quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp <sup>(2)</sup>	519.688.696	466.976.365

**4. Những thay đổi trong năm:**

- Về thay đổi Đăng ký kinh doanh: Điều chỉnh lần thứ 15 ngày 27/12/2019 về thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Phần vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Đỗ Quốc Bảo	5.700.000.000	95%
2	Nguyễn Vĩnh Thành	300.000.000	5%
	<b>Cộng</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>100%</b>

- Về tăng/giảm KTV:

Về tăng KTV: Bổ sung 01 kiểm toán viên: Nguyễn Thái Hồng số chứng chỉ 1115/KTV từ ngày 25/12/2019

Về giảm KTV: Thuyên giảm 01 Kiểm toán viên: Nguyễn Thị Mai kể từ ngày 01/1/2020.

**5. Thuận lợi, khó khăn và các kiến nghị, đề xuất hoặc thông tin khác công ty cần cung cấp cho Bộ Tài chính:**

- Thuận lợi: Khách hàng nhận thức đầy đủ hơn về yêu cầu kiểm toán để phối hợp cùng kiểm toán viên; các quy định và hướng dẫn chuyên ngành kế toán, kiểm toán dần hoàn thiện.
- Khó khăn: Cạnh tranh cao về giá phí giữa các công ty kiểm toán vừa và nhỏ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và chất lượng chuyên môn.
- Kiến nghị:
  - Bộ Tài chính: Tăng cường hỗ trợ các công ty kiểm toán quy mô nhỏ bằng các quy định phù hợp; Vụ Chế độ cần tổ chức gặp gỡ định kỳ để trao đổi về những vướng mắc pháp lý.
  - VACPA: Cần cải tiến nội dung và phương pháp cập nhật kiến thức, sinh hoạt hội viên cá nhân của Hội; tiếp tục tăng cường gặp gỡ liên kết giữa các hội viên tập thể.
- Thông tin khác: Không

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2020

Người đại diện theo pháp luật

Giám đốc



Đỗ Quốc Bảo

